

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE

**NGHỀ ĐÀO TẠO: CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG CHÍNH QUY
HỆ 3 NĂM**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: CAO ĐẲNG NGHỀ

Mã ngành: 6720301

Vĩnh Long, 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành:	Điều dưỡng
Mã ngành:	6720301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Điều dưỡng trình độ Cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có năng lực thực hành Điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình Điều dưỡng cao đẳng nhằm đào tạo người Điều dưỡng có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ an toàn và hiệu quả cho người bệnh. Được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tâm huyết với nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp trong khuôn khổ quy định của luật pháp và các chính sách của Nhà nước, người Điều dưỡng sẽ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ người bệnh một cách toàn diện về thể chất, tâm-sinh lý và xã hội. Đồng thời, người Điều dưỡng luôn có ý thức học hỏi, chủ động phát triển nghề nghiệp cho bản thân mình, đảm bảo thực hành chuyên môn an toàn, hiệu quả.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;

- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Số lượng môn học, mô đun: 46;
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 107 tín chỉ với 2685 giờ;
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 19 tín chỉ, 435 giờ;
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 88 tín chỉ, 2250 giờ, trong đó:
 - + Khối lượng các môn học cơ sở chuyên ngành: 35 tín chỉ với 735 giờ;
 - + Khối lượng các môn học chuyên ngành: 51 tín chỉ với 1515 giờ;
- Khối lượng lý thuyết: 798 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1814 giờ;
- Khối lượng thi - kiểm tra: 73 giờ;
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Tỷ lệ:
 - + Lý thuyết/ Chương trình: 30%
 - + Thực hành/ Chương trình: 70%

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MD	Tên môn học/ mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			TS	Trong đó		
				LT	TH	Thi /KT
I.	Các môn học chung/ đại cương	19	435	157	255	23
DT6001	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
DT6002	Pháp luật	2	30	18	10	2
DT6003	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
DT6004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
DT6005	Tin học	3	75	15	58	2
DT6006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	42	72	6
II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	88	2250	641	1559	50
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	35	735	301	408	26
YD69903	Sinh học và Di truyền	2	45	14	29	2
YD6202	Hóa học đại cương	2	45	14	29	2
YD6203	Vật lý và Lý sinh	2	45	14	29	2
YD69901	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	30	28	2
YD69904	Vì sinh - K/sinh trùng	2	45	14	29	2
YD6206	Hoá sinh	1	15	14	0	1

Mã MH, MĐ	Tên môn học/ mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			TS	Trong đó		
				LT	TH	Thi /KT
YD6207	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1	15	14	0	1
YD6208	Dược lý	2	45	14	29	2
YD6209	Điều dưỡng cơ sở I	4	90	29	59	2
YD6210	Điều dưỡng cơ sở II	6	135	44	89	2
YD6211	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	45	14	29	2
YD6212	Dinh dưỡng	2	45	14	29	2
YD6213	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh Nâng cao Sức khỏe và hành vi con người	1	15	14	0	1
YD6214	Tổ chức Y tế	2	30	29	0	1
YD6215	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe	3	60	29	29	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	26	435	326	87	22
YD6216	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	3	60	29	29	2
YD6217	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	3	60	29	29	2
YD6218	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	60	29	29	2
YD6219	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	30	28	00	2
YD6220	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	30	28	00	2
YD6221	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	3	45	43	00	2
YD6222	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	30	28	00	2
YD6223	Thống kê Y học	1	15	14	00	1
YD69902	Nghiên cứu khoa học	1	15	14	00	1
YD6225	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	30	28	00	2
YD6226	Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	1	15	14	0	1
YD6227	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	15	14	0	1
YD6228	Chăm sóc sức khỏe bệnh chuyên khoa	2	30	28	0	2
II.3	Các môn học, mô đun lâm sàng tại bệnh viện và cơ sở	23	1035	0	1035	00
YD6229	Lâm sàng điều dưỡng cơ sở 1, 2	2	90	0	90	0
YD6230	Lâm sàng Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	4	180	0	180	0
YD6231	Lâm sàng Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	90	0	90	0
YD6232	Lâm sàng CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa	3	135	0	135	0
YD6233	Lâm sàng Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	135	0	135	0
YD6234	Lâm sàng CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia	2	90	0	90	0

Mã MH, MĐ	Tên môn học/ mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			TS	Trong đó		
				LT	TH	Thi /KT
	đình					
YD6235	Lâm sàng Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	45	0	45	0
YD6236	Lâm sàng Chăm sóc sức khỏe bệnh chuyên khoa	1	45	0	45	0
YD6237	Thực tập cộng đồng	1	45	0	45	0
TN6000	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	0
II.4	Các môn học thay thế tốt nghiệp	4	45	14	29	2
YD6238	Nghề nghiệp và đạo đức người điều dưỡng	2	45	14	29	2
YD6239	Quản lý điều dưỡng	2	45	14	29	2
Tổng		107	2685	798	1814	73

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết cho các môn học, mô đun đào tạo

- Căn cứ vào chương trình đào tạo và danh mục các môn học, mô đun đào tạo ngành, chuyên môn triển khai xây dựng chương trình các môn học, mô đun chi tiết đến các nội dung mục, tiểu mục hoặc tiêu đề, tiêu tiêu đề cần có để thuận tiện cho việc giảng dạy.

- Khi xây dựng chương trình chi tiết môn học, mô đun phải thực hiện đúng nội dung mục tiêu của chương trình đào tạo đã được ban hành, các nội dung được quy định theo Thông tư số: 03/2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm như 27/2, 26/3, 19/5... - Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm như 19/5, 20/11.... - Ngoài giờ học hàng ngày
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện của nhà trường để đọc sách, tham khảo tài liệu và tra cứu thông tin	- Tất cả các ngày trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm

	đoàn thể - Đoàn thanh niên, Hội HSSV tổ chức các hoạt động giao lưu, các buổi sinh hoạt, cắm trại,...	như 09/01, 26/3...
5	Khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí tình nguyện	- Dịp 27 tháng 7 hàng năm

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

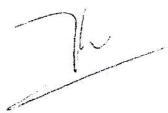
Thời gian tổ chức thi/kiểm tra hết môn học, mô đun áp dụng theo Điều 12, Điều 13, Điều 14 của Thông tư 09/2017/TT - BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Và được hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của nhà trường.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Đánh giá tốt nghiệp theo Thông tư 09/2017/TT - BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

TM. KHOA



Trần Thị Ngọc Mai

TM. TỔ BIÊN SOẠN



Lê Thị Tuyết Sương

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

